

**TỔNG CÔNG TY TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG BIỂN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 03/05/2016**

Tháng 05 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Biển (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 (ngày hoạt động cuối cùng dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên).

Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ gồm:

Ông Nguyễn Văn Sáu	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Lâm	Giám đốc
Ông Chu Ngọc Minh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Long	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính. Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Văn Lâm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2016

Số: 81a/2016/KT-AV2-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Biển

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Biển (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23/05/2016, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 03/05/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Ngày 22/05/2016, chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập số 81/2016/KT-AV2-TC về báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Biển và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Tại Công văn số 24/TNMTB-TCKT ngày 23/05/2016, Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Biển đã đề nghị chúng tôi phát hành lại báo cáo kiểm toán độc lập trên cơ sở hồ sơ bổ sung điều chỉnh số liệu của Công ty liên quan đến kinh phí công đoàn trích thiếu số tiền 29.028.230 VND và tiền thù lao cổ phần hóa chưa hạch toán số tiền 63.500.000 VND. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với báo cáo tài chính của Công ty. Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho báo cáo kiểm toán số 81/2016/KT-AV2-TC ngày 22/05/2016.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đang ghi nhận các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính phát sinh trong kỳ là chi phí trả trước ngắn hạn với số tiền lần lượt là 1.740.808.329 VND và 213.822.729 VND trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016. Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nói trên chưa được Công ty tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ báo cáo do đặc thù kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ cho các khách hàng sử dụng ngân sách nhà nước, việc nghiệm thu quyết toán công trình và ghi nhận doanh thu thường diễn ra vào quý IV của năm tài chính.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Biển tại ngày 03/05/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Biển được lập tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Vì vậy, các chính sách kế toán trong kỳ được Công ty tuân thủ theo các quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, cơ quan thuế chưa tiến hành kiểm tra quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Biển tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Do đó, số thuế và các khoản phải nộp ngân sách được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



Dương Đình Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 1699-2015-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2016

Đỗ Dương Tùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
Số: 2904-2015-055-1

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 03 tháng 05 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	03/05/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.535.512.247	62.126.346.961
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.893.632.586	20.587.264.555
1. Tiền	111	5	3.893.632.586	20.587.264.555
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.117.295.395	24.398.547.255
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.396.273.323	21.695.101.864
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		50.000.000	80.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.671.022.072	2.623.445.391
IV- Hàng tồn kho	140		17.566.648.208	17.140.535.151
1. Hàng tồn kho	141	8	17.566.648.208	17.140.535.151
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.957.936.058	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.954.631.058	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	3.305.000	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.093.341.478	3.536.800.681
II- Tài sản cố định	220		3.583.371.307	3.373.884.352
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.583.371.307	3.373.884.352
- Nguyên giá	222		8.892.645.123	9.043.701.536
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.309.273.816)	(5.669.817.184)
VI- Tài sản dài hạn khác	260		509.970.171	162.916.329
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	509.970.171	162.916.329
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		42.628.853.725	65.663.147.642

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 03 tháng 05 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	03/05/2016	01/01/2016
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		34.268.853.725	57.744.107.373
I- Nợ ngắn hạn	310		34.268.853.725	57.744.107.373
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	55.000.000	32.285.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23.404.719.339	24.900.608.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	631.619.816	2.494.338.466
4. Phải trả người lao động	314		4.695.995.318	12.003.689.250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	-	28.270.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.153.884.119	1.017.147.167
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	4.283.060.521	17.175.476.476
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		44.574.612	92.292.714
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.360.000.000	7.919.040.269
I- Vốn chủ sở hữu	410	16	8.360.000.000	7.919.040.269
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.360.000.000	7.919.040.269
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu *	411a		8.360.000.000	7.919.040.269
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)	440		42.628.853.725	65.663.147.642

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu



Bùi Thị Nguyệt

Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Tuyền

Giám đốc



Phạm Văn Lâm

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính) MẪU B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 03/05/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	8.810.687.846
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8.810.687.846
4. Giá vốn hàng bán	11	18	8.140.033.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		670.653.963
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		29.789.997
7. Chi phí tài chính	22		25.357.339
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		25.357.339
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	470.034.152
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		205.052.469
11. Thu nhập khác	31		18.582.943
12. Chi phí khác	32		13.877.048
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	20	4.705.895
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		209.758.364
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	44.727.082
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		165.031.282

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Bùi Thị Nguyệt

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Tuyền

Giám đốc



Phạm Văn Lâm

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính) **MẪU B03 - DN**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 03/05/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		209.758.364
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02		314.154.631
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.153.633)
- Chi phí lãi vay	06		25.357.339
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		518.116.701
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.994.226.133
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(426.113.057)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.428.949.935)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.087.862.171)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(264.146.904)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(135.711.800)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.180.467.809
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(791.376.423)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.441.349.647)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21		(391.020.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		1.363.636
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29.789.997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(359.866.367)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.901.868.406
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.794.284.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.892.415.955)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(16.693.631.969)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.587.264.555
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5	3.893.632.586

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Bùi Thị Nguyệt

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Tuyền

Giám đốc



Phạm Văn Lâm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Tài nguyên - Môi trường Biển (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xi nghiệp Đo đạc địa hình II thuộc Công ty Đo đạc ảnh địa hình - Công ty con của Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 388/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Tài nguyên - Môi trường Biển theo Quyết định số 278/QĐ-HĐTV ngày 28/9/2010 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 24/11/2010: Vốn Điều lệ của Công ty là 4.290.000.000 VND (Bốn tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng).

Ngày 04/05/2016, Công ty TNHH MTV Tài nguyên - Môi trường Biển chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Tài nguyên - Môi trường Biển theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104581863 thay đổi lần thứ ba ngày 04/05/2016 với số vốn điều lệ là 10.490.000.000 VND (mười tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 143, ngõ 85, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn và dịch vụ đo đạc bản đồ, đất đai, địa chất, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường, biển và hải đảo.

1.3 Ngành nghề kinh doanh *

- Khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật; tư vấn giám sát các hoạt động về: Đo đạc bản đồ, đất đai, địa chất, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường, biển và hải đảo;
- Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
- Thực hiện các dịch vụ về dự báo ô nhiễm môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; Tư vấn ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học – Kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường;
- Xây dựng lưới khống chế tọa độ, độ cao Nhà nước, lưới địa chính các cấp hạng;
- Đo vẽ, thành lập và hiệu chỉnh bản đồ địa hình; Đo vẽ bản đồ địa hình đáy sông, hồ, biển; Đo vẽ bản đồ địa chính các tỷ lệ và lập hồ sơ địa chính;
- Xử lý ảnh hàng không, viễn thám;
- Đo đạc công trình phục vụ cho thiết kế, quy hoạch, xây dựng và quản lý các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm, công trình thủy;
- Thành lập bản đồ và hồ sơ địa giới hành chính, bản đồ hành chính các cấp, các loại bản đồ chuyên ngành, chuyên đề;
- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều tra thổ nhưỡng, đánh giá thích nghi phân hạng đất đai, sử dụng tài nguyên nước và khai thác khoáng sản (không bao gồm thiết kế quy hoạch công trình);
- Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin địa lý, hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường, hệ thống thông tin đất đai, các hệ thống thông tin chuyên ngành;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư; kiểm định và kiểm tra phân tích kỹ thuật các sản phẩm tư liệu trong lĩnh vực tài nguyên môi trường và một số ngành nghề khác;
- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực để phục vụ cho sản xuất kinh doanh của đơn vị trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1.3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Kinh doanh lữ hành du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, dịch vụ liên quan đến quảng bá và tổ chức các tua du lịch;
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng nhà nước cấm).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Thực hiện Quyết định số 298/QĐ-BTNMT ngày 07/03/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam giai đoạn 2014 - 2015, định hướng đến năm 2020, Công ty đã hoàn thành các bước chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104581863 ngày 04/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã điều chỉnh số liệu trong sổ kế toán theo giá trị doanh nghiệp được công bố tại Quyết định số 2633/QĐ-BTNMT ngày 15/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/03/2015.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp.

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

- Văn phòng Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Biển;
- Xí nghiệp Tài nguyên – Môi trường Biển;
- Xí nghiệp Trắc địa bản đồ.

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 là kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Do đó, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 không có số liệu so sánh.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 được lập tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán, bao gồm: phải thu khác; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Theo Điều 10 - Xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty không trích lập dự phòng nợ khó đòi tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Trong đó chi phí sản xuất chung được phân bổ theo kế hoạch cho các công trình khảo sát, thiết kế, đo đạc bản đồ, tư vấn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/05/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016	Số năm
Máy móc, thiết bị		03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn		06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý		03 - 05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm lợi thế kinh doanh, công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí lãi vay và các chi phí khác.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính không quá 10 năm kể từ ngày được ghi nhận.

Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 24 tháng.

Chi phí lãi vay và các khoản chi phí khác là chi phí thực tế phát sinh cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản phải trả khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.7 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản đi vay theo các hợp đồng tín dụng được ký kết. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản đi vay của Công ty là các khoản vay cá nhân. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Công ty đang ghi nhận chi phí lãi vay số tiền 213.822.729 VND là chi phí trả trước ngắn hạn trên báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

4.11 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu cung cấp dịch vụ đo đạc bản đồ, tư vấn, thiết kế được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- Có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ đó;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.12 Giá vốn

Giá vốn hoạt động dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành công trình, dịch vụ phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là lãi tiền vay, được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.

4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.15 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng: 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam với tư cách là công ty mẹ, các công ty con do Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam đầu tư và chi phối; các thành viên trong Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

5 TIỀN

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	20.333.993	32.884.564
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.873.298.593	20.554.379.991
Cộng	3.893.632.586	20.587.264.555

6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	12.396.273.323	21.695.101.864
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	8.995.267.795	15.280.805.162
<i>Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An</i>	4.002.722.000	7.645.520.000
<i>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ</i>	393.578.795	4.007.722.162
<i>Văn phòng Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang</i>	-	2.264.000.000
<i>Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị</i>	4.598.967.000	1.363.563.000
Các khoản phải thu của khách hàng khác	3.401.005.528	6.414.296.702
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	38.906.931
<i>Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam</i>	-	38.906.931
<i>Mối quan hệ Công ty mẹ</i>	-	-

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	03/05/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.671.022.072	-	2.623.445.391	-
Phải thu về cổ phần hoá	299.969.800	-	55.000.000	-
Ký cược, ký quỹ (*)	2.213.971.427	-	2.497.692.154	-
Phải thu khác	157.080.845	-	70.753.237	-

(*) Chi tiết giá trị các khoản ký cược, ký quỹ:

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang	1.587.171.427	1.587.171.427
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Tuyên Quang	626.800.000	626.800.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương chi nhánh Sông Nhuệ	-	281.992.750
Lãi tài khoản ký quỹ	-	1.727.977
Cộng	2.213.971.427	2.497.692.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

8 HÀNG TỒN KHO

	03/05/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.566.648.208	-	17.140.535.151	-
Cộng	17.566.648.208	-	17.140.535.151	-

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dài hạn	509.970.171	162.916.329
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	408.331.744	162.916.329
Lợi thế kinh doanh	101.638.427	-

CÔNG TY TNHH MTV TÀI NGUYÊN - MỐI TRƯỜNG BIÊN
Số 143, ngõ 85, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	6.658.390.451	2.314.271.454	71.039.631	9.043.701.536
Tăng trong năm	391.020.000	56.763.927	-	447.783.927
Mua trong năm	391.020.000	-	-	391.020.000
Tăng do đánh giá lại giá trị tài sản (*)	-	56.763.927	-	56.763.927
Giảm trong năm	252.804.959	346.035.381	-	598.840.340
Giảm do đánh giá lại giá trị tài sản (*)	21.045.831	346.035.381	-	367.081.212
Thanh lý, nhượng bán	231.759.128	-	-	231.759.128
Số dư tại ngày 03/05/2016	6.796.605.492	2.025.000.000	71.039.631	8.892.645.123
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2016	3.933.997.967	1.691.167.995	44.651.222	5.669.817.184
Tăng trong năm	253.880.171	80.980.598	5.334.575	340.195.344
Khấu hao trong năm	253.880.171	54.939.885	5.334.575	314.154.631
Tăng do đánh giá lại giá trị tài sản (*)	-	26.040.713	-	26.040.713
Giảm trong năm	372.392.148	327.499.575	846.989	700.738.712
Giảm do đánh giá lại giá trị tài sản (*)	123.413.713	327.499.575	846.989	451.760.277
Thanh lý, nhượng bán	231.759.128	-	-	231.759.128
Giảm khác (**)	17.219.307	-	-	17.219.307
Số dư tại ngày 03/05/2016	3.815.485.990	1.444.649.018	49.138.808	5.309.273.816
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại ngày 01/01/2016	2.724.392.484	623.103.459	26.388.409	3.373.884.352
Số dư tại ngày 03/05/2016	2.981.119.502	580.350.982	21.900.823	3.583.371.307

- Không có tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 03/05/2016 (Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 01/01/2016 là 545.183.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)***(*) Điều chỉnh giá trị tài sản cố định theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/03/2015.**(**) Giảm khác là số tiền điều chỉnh khấu hao đã trích vào chi phí năm 2015 của tài sản cố định không sử dụng chờ thanh lý sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/03/2015.***11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	55.000.000	32.285.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ HP Á Châu	-	32.285.000
Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	55.000.000	-

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	03/05/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.270.091.611	762.717.407	2.459.347.108	573.461.910
Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.711.800	44.727.082	135.711.800	44.727.082
Thuế thu nhập cá nhân	88.535.055	13.430.824	91.840.055	10.125.824
<i>Thu nhập từ tiền lương, tiền công</i>	<i>88.535.055</i>	<i>-</i>	<i>91.840.055</i>	<i>(3.305.000)</i>
<i>Thu nhập từ đầu tư vốn</i>	<i>-</i>	<i>13.430.824</i>	<i>-</i>	<i>13.430.824</i>
Các loại thuế khác	-	3.500.000	3.500.000	-
Cộng	2.494.338.466	824.375.313	2.690.398.963	628.314.816
<i>Trong đó:</i>				
Phải nộp	2.494.338.466			631.619.816
Phải thu				3.305.000

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	-	28.270.000
Lãi vay phải trả	-	28.270.000

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	1.153.884.119	1.017.147.167
Kinh phí công đoàn	29.028.230	-
Phải trả về cổ phần hóa	898.103.342	873.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	226.752.547	143.747.167
Phải trả khác là bên liên quan		Mối quan hệ
<i>Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam</i>	<i>163.252.547</i>	<i>113.743.163</i>
	<i>Công ty mẹ</i>	

CÔNG TY TNHH MTV TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG BIỂN
Số 143, ngõ 85, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B 09 - DN

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU:

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/04/2015	7.919.040.269	-	-	7.789.786.911
Lãi trong năm nay	-	-	379.143.877	379.143.877
Chuyển lợi nhuận về Tổng Công ty	-	-	(113.743.163)	(113.743.163)
Nộp kinh phí hoạt động của Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên Tổng Công ty	-	-	(131.008.000)	(131.008.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(134.392.714)	(134.392.714)
Tại ngày 31/12/2015	7.919.040.269	-	-	7.919.040.269
Lãi trong năm nay	101.638.427	-	165.031.282	165.031.282
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa	-	-	-	101.638.427
Tăng do đánh giá lại tài sản, công cụ dụng cụ	-	417.261.890	-	417.261.890
Giảm do đánh giá lại tài sản, công cụ dụng cụ	-	(78.887.244)	-	(78.887.244)
Chuyển sang vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	338.374.646	(338.374.646)	-	-
Tăng vốn do cổ phần phát hành thêm để lại doanh nghiệp	946.658	-	-	946.658
Chuyển lợi nhuận về Tổng Công ty	-	-	(49.509.384)	(49.509.384)
Nộp kinh phí hoạt động của Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên Tổng Công ty	-	-	(105.740.000)	(105.740.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(9.781.898)	(9.781.898)
Tại ngày 03/05/2016	8.360.000.000	-	-	8.360.000.000

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	8.360.000.000	7.919.040.269
	8.360.000.000	7.919.040.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

17 DOANH THU

	Từ 01/01/2016 đến 03/05/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.810.687.846
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.810.687.846
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>8.810.687.846</u>

18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 03/05/2016 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.140.033.883
Cộng	<u>8.140.033.883</u>

19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 03/05/2016 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	470.034.152
Chi phí nhân viên quản lý	148.899.361
Tiền thuê văn phòng	229.533.518
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	91.601.273

20 LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 03/05/2016 VND
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.363.636
Các khoản khác	17.219.307
Thu nhập khác	<u>18.582.943</u>
Phạt chậm nộp thuế	13.877.048
Chi phí khác	<u>13.877.048</u>
Lợi nhuận khác	<u>4.705.895</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

21 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 03/05/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	209.758.364
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	13.877.048
Phạt chậm nộp thuế	13.877.048
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	-
Lỗ năm trước chuyển sang (4)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)	223.635.412
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (7)=(5)*(6)	44.727.082
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	44.727.082

22 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 03/05/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	576.854.867
Chi phí nhân công	6.219.746.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	314.154.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.716.284.497
Chi phí khác	209.140.191
Cộng	9.036.181.092

23 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/01/2016 đến 03/05/2016 VND
<i>Giao dịch với các bên liên quan:</i>	
Mua hàng	229.533.518
Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	Công ty mẹ 229.533.518
<i>Số dư với các bên liên quan:</i>	
Người mua trả tiền trước	319.319.939
Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	Công ty mẹ 319.319.939
<i>Thu nhập của Ban Giám đốc</i>	<i>Từ 01/01/2016 đến 03/05/2016 VND</i>
Lương, thưởng và các khoản khác	182.494.115
Cộng	182.494.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

24 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.16.

	Giá trị ghi sổ 03/05/2016 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.893.632.586	20.587.264.555
Phải thu của khách hàng	12.396.273.323	21.695.101.864
Phải thu khác	2.671.022.072	2.623.445.391
Cộng	18.960.927.981	44.905.811.810
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	55.000.000	32.285.000
Chi phí phải trả	-	28.270.000
Phải trả khác	1.153.884.119	1.017.147.167
Vay và nợ thuê tài chính	4.283.060.521	17.175.476.476
Cộng	5.491.944.640	18.253.178.643

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

25 SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại thuyết minh số 1.7, báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 là kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Do đó, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 không có số liệu so sánh.

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Thị Nguyệt

Phạm Ngọc Tuyền

Phạm Văn Lâm